

Bản án số: **744/2021/KDTM-PT**

Ngày: 30/12/2021

V/v tranh chấp hợp đồng thi công
xây lắp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2021/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2021 về vụ việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây lắp”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1918/2020/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4559/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Xây Dựng và Thương Mại BT;
Địa chỉ: 49 Phường 12, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;
Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân P (Giấy ủy quyền số: 01/GUQ-HĐQT ngày 28/8/2018).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xây Dựng VH;
Địa chỉ: số 28 Mai Chí Thọ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ mới: Số 36 thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T – Giám đốc

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. *Tổng Công ty CTCP;*
Địa chỉ: phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T (Giấy ủy quyền số: 1308/TCT-QTRR-PC ngày 14/8/2019) (Đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Công ty Cổ phần Xây Dựng VT;

Địa chỉ: Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Anh P (Giấy ủy quyền ngày 01/7/2020).

3.3. Công ty Miền Trung;

Địa chỉ: thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Ngọc H (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xây Dựng VH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngày 29/11/2007, Nguyên đơn cùng Bị đơn, Công ty Cổ phần Xây Dựng VT, Công ty Việt Nguyên và Công ty Trường Giang (Nay đổi tên là Công ty Miền Trung) đã ký Hợp đồng liên danh số: 07/HĐLD với mục đích nhận thầu và thi công gói thầu 1D1 thuộc dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Đắk R'tih tại tỉnh Đắk Nông do Tổng Công ty CTCP làm chủ đầu tư, trong đó Bị đơn là đại diện theo ủy quyền trực tiếp quan hệ với chủ đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền liên quan.

Để thực hiện việc thi công xây lắp gói thầu trên, Nguyên đơn và Bị đơn đã ký Hợp đồng kinh tế số: 09/2007/HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007, trong đó Bị đơn là bên giao thầu và Nguyên đơn là bên nhận thầu. Cụ thể, Nguyên đơn phụ trách thi công đào hố móng các hạng mục đập tràn và cửa nhận nước tại nhà máy bậc dưới thuộc gói thầu 1D1. Hợp đồng này sau đó được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản số: 09/2007/HĐ-XD/VHC/SĐBS-01 ngày 19/06/2009 về thời gian, tiến độ thực hiện công việc và giá trị hợp đồng.

Ngày 01/11/2008, Nguyên đơn cùng Bị đơn đã ký tiếp Hợp đồng số: 01/HĐKT-Đăkr'tih-08 với nội dung Bị đơn thuê Nguyên đơn khoan, nổ mìn, phá đá các hạng mục thi công của Nhà máy Thủy điện Đắk R'tih – Bậc dưới.

Thực hiện các hợp đồng trên, Nguyên đơn đã tiến hành thi công các hạng mục theo thỏa thuận. Tuy nhiên, Bị đơn không thanh toán cho Nguyên đơn đúng cam kết.

Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/01/2016, Nguyên đơn cùng Bị đơn đã xác nhận công nợ, theo đó Bị đơn còn nợ Nguyên đơn là 3.874.391.978 đồng.

Kể từ sau ngày 15/01/2016 đến nay, Bị đơn chỉ thanh toán cho Nguyên đơn 2.113.650.948 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 16/02/2016 Bị đơn chuyển khoản: 993.003.692 đồng;
- Ngày 14/10/2016 Bị đơn chuyển khoản: 1.113.740.731 đồng;
- Nguyên đơn điều chỉnh giảm giá trị quyết toán (kèm hóa đơn ngày 20/9/2018): 6.876.525 đồng;

Như vậy tính đến thời điểm hiện tại, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền: 1.760.741.030 đồng.

Quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng giữa Nguyên đơn và Bị đơn không liên quan và không chịu sự giám sát, kiểm tra của các thành viên khác trong liên danh; Các thành viên độc lập về tài chính và tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình.

Về vấn đề đối trừ nghĩa vụ, Nguyên đơn trình bày không đồng ý với đề xuất của Bị đơn vì xác định quan hệ tranh chấp giữa Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến nghĩa vụ mà Bị đơn phải thực hiện.

Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ: 1.760.741.030 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên, vào ngày 30/9/2019, Nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu về việc buộc Bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán và xác định yêu cầu khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án là buộc Bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 1.760.741.030 đồng làm một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Về vấn đề liên danh Bị đơn có lời trình bày thống nhất với Nguyên đơn. Ngoài ra bên Bị đơn còn trình bày thêm những nội dung sau:

Các nhà thầu trong liên danh thống nhất chỉ định Bị đơn làm nhà thầu đứng đầu liên danh, thay mặt liên danh ký hợp đồng với chủ đầu tư cũng như làm việc với các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến gói thầu 1D1. Bị đơn được hưởng phí bằng 0.5% giá trị hợp đồng. Các hạng mục thi công của từng thành viên đã được phân công cụ thể trong hợp đồng liên danh.

Trong quá trình thi công gói thầu 1D1, chủ đầu tư yêu cầu thay thế hai nhà thầu là Công ty Việt Tổng, Công ty Miền Trung do chậm tiến độ và chỉ định Nguyên đơn thay thế. Quá trình bàn giao mặt bằng hiện trạng, Nguyên đơn phát hiện hai nhà thầu trên đã được chủ đầu tư tạm thanh toán lỗ giá trị: 2.822.788.493 đồng.

Ngoài ra trong quá trình thi công Nhà máy Thủy điện Đắk R'tih tại tỉnh Đắk Nông, Bị đơn còn ký một số hợp đồng thi công với Nguyên đơn như: Nổ mìn phá đá đường vận hành 8, 6 có giá trị thấp và đã quyết toán xong.

Để yêu cầu Công ty Việt Tổng, Công ty Miền Trung hoàn trả lại tiền tạm thanh toán lỗ để trả cho Nguyên đơn, các thành viên trong liên danh đã nhiều lần họp nội bộ và chủ đầu tư là Tổng công ty CTCP nhưng không có kết quả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn là 1.760.741.030 đồng. Bị đơn đồng ý trả làm một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã tiến hành khởi kiện Công ty Việt Tổng và Công ty Miền Trung và được Tòa án thụ lý giải quyết để có nguồn tiền trả nợ cho Nguyên đơn. Nay Bị đơn yêu cầu:

- Công ty Việt Tổng có trách nhiệm thanh toán cho Bị đơn số tiền nợ là: 1.508.407.904 đồng từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 11/2007HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 11/2007/HĐ-XD/VHC-SĐBS-01 ngày 29/4/2014, không yêu cầu tính lãi chậm trả. Phương thức trả như sau: Trả làm một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Công ty Miền Trung có trách nhiệm thanh toán cho Bị đơn số tiền nợ là: 200.000.000 đồng từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 10/2007HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007, không yêu cầu tính lãi chậm trả. Phương thức trả như sau: Trả làm một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Bị đơn xác nhận đã nghiệm thu gói thầu 1D1 với chủ đầu tư là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP, quyền và nghĩa vụ của các bên đã thực hiện xong. Các thành viên trong liên danh được phân công các hạng mục thi công riêng và hạch toán độc lập mà không chịu sự kiểm tra, giám sát của các thành viên khác trong liên danh, trách nhiệm của nhà thầu là công ty đứng đầu liên danh.

Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Việt Tổng và Công ty Miền Trung; Tuy nhiên, Bị đơn đề xuất mong muốn được đối trừ khoản nợ của hai công ty này vào nghĩa vụ phải thực hiện của Bị đơn đối với Nguyên đơn, vì những lý do mà Bị đơn đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Tổng công ty CTCP ông Nguyễn Minh T trình bày:

Tổng công ty CTCP là chủ đầu tư nhà máy Thủy điện ĐăKr'tih, tỉnh Đắk Nông. Năm 2007, Tổng công ty Xây dựng Số 1 ký kết với Bị đơn hợp đồng thi công xây dựng toàn bộ các hạng mục của nhà máy. Theo đó, Bị đơn có thể thuê nhà thầu phụ để thực hiện dự án. Việc thuê nhà thầu phụ Bị đơn tự chịu trách nhiệm hợp đồng ký với nhà thầu phụ mà họ thuê.

Tổng công ty CTCP không chỉ định nhà thầu phụ, và chỉ làm việc với Bị đơn liên quan đến việc xây dựng công trình. Các giai đoạn thanh toán tiền theo tiến độ thi công, Bị đơn là nhà thầu chính có trách nhiệm đề xuất và gửi yêu cầu thanh toán đến chủ đầu tư để được thanh toán. Căn cứ theo tiến độ thi công, Tổng công ty CTCP đã thanh toán cho Bị đơn đầy đủ theo các đợt thanh toán. Việc Bị đơn thanh toán lại cho Nguyên đơn như thế nào Tổng công ty CTCP không biết và không chịu trách nhiệm.

Việc Nguyên đơn và Bị đơn chưa thống nhất với nhau về số tiền thanh toán, Tổng công ty CTCP không liên quan và không thuộc phạm vi công việc chủ đầu tư. Đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của Tổng công ty CTCP.

Giữa Tổng công ty CTCP và Bị đơn đã quyết toán giá trị xây lắp Hợp đồng số 05/2007/HĐ-XD/CC1/SĐBS-06 ngày 21/3/2014 do đó Tổng công ty CTCP không có bất cứ yêu cầu nào đối với Bị đơn cũng như trong vụ án này.

Đại diện Công ty Cổ phần Xây Dựng VT ông Bùi Anh P trình bày:

Công ty VT xác nhận có giao dịch và hiện đang nợ Bị đơn số tiền 1.508.407.904 đồng. Hiện tại, Công ty VT đang gặp nhiều khó khăn và không có nguồn thu để chi trả số tiền 1.508.407.904 đồng cho Bị đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của Bị đơn, Công ty VT chấp nhận trả; Thời hạn trả do Tòa án quyết định.

Đại diện Công ty Miền Trung ông Đoàn Ngọc H trình bày:

Công ty Miền Trung đồng ý về việc khởi kiện của Bị đơn, xác nhận công nợ với Bị đơn số tiền 200.000.000 đồng; Về Phương thức trả nợ, do Tòa án quyết định.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1918/2020/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền còn nợ là: 1.760.741.030 đồng (Một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn không trăm ba mươi đồng) từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số 09/2007/HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 09/2007/HĐ-XD/VHC/SĐBS-01 ngày 19/6/2009 và Hợp đồng số 01/HĐKT-Đákr'tih-08 ngày 01/11/2008. Phương thức trả như sau: Trả làm một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Nguyên đơn đối với Bị đơn về tiền lãi do chậm thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Bị đơn

3.1 Buộc Công ty Cổ phần Xây Dựng VT phải thanh toán cho Bị đơn số tiền nợ là: 1.508.407.904 đồng (Một tỷ năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn chín trăm lẻ bốn đồng) từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 11/2007HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 11/2007/HĐ-XD/VHC-SĐBS-01 ngày 29/4/2014. Trả một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3.2 Buộc Công ty Miền Trung có trách nhiệm thanh toán cho Bị đơn số tiền nợ là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 10/2007HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007. Trả một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí là: 64.822.230 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn là: 32.411.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0005491 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Cổ phần Xây Dựng VT phải chịu án phí là: 57.252.237 đồng.

- Công ty Miền Trung phải chịu án phí là 10.000.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Bị đơn là: 28.626.118 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0087762 ngày 15/6/2020 và 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0087763 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 08/12/2020, Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị đối trừ nghĩa vụ thanh toán với yêu cầu: Buộc Công ty Cổ phần Xây Dựng VT và Công ty Miền Trung thanh toán cho Nguyên đơn. Bị đơn không thanh toán trực tiếp cho Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Bị đơn; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn; Án sơ thẩm giải quyết tranh chấp là có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn làm trong hạn luật định nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn có đủ căn cứ để xác định:

Căn cứ vào Hợp đồng liên danh số 07/HĐLD ngày 29/11/2007, Bị đơn, Công ty Cổ phần Xây Dựng VT, Công ty Việt Nguyên, Công ty Miền Trung, Nguyên đơn là các thành viên trong liên danh tự nguyện hợp tác liên danh để nhận thầu và thi công gói thầu 1D1. Theo đó, các thành viên đã thống nhất Bị đơn là nhà thầu chính đứng đầu, làm đại diện liên danh chịu trách nhiệm ký hợp đồng với chủ đầu tư là Tổng công ty CTCP. Theo các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng này, đã thể hiện đầy đủ phần công việc cụ thể của từng thành viên, trách nhiệm của mỗi bên và nguyên tắc hoạt động của liên danh; Các bên độc lập về tài chính và tự chịu trách nhiệm kết quả kinh doanh trong phần việc được phân giao thầu.

Theo trình bày của Tổng công ty CTCP thì Tổng công ty CTCP là chủ đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk R'tih, tỉnh Đắk Nông. Năm 2007, Tổng công ty CTCP ký kết với Bị đơn hợp đồng thi công xây dựng toàn bộ các hạng mục của nhà máy. Theo đó, Bị đơn có thể thuê nhà thầu phụ để thực hiện dự án. Việc thuê nhà thầu phụ này Bị đơn tự chịu trách nhiệm hợp đồng ký với nhà thầu phụ mà họ thuê.

Tổng công ty CTCP không chỉ định nhà thầu phụ, và chỉ làm việc với Bị đơn liên quan đến việc xây dựng công trình. Các giai đoạn thanh toán tiền theo tiến độ thi công, Bị đơn là nhà thầu chính có trách nhiệm đề xuất và gửi yêu cầu thanh toán đến chủ đầu tư để được thanh toán. Căn cứ theo tiến độ thi công, Tổng công ty CTCP đã thanh toán cho Bị đơn đầy đủ theo các đợt thanh toán.

Theo Hợp đồng kinh tế số: 09/2007/HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 09/2007/HĐ-XD/VHC/SĐBS-01 ngày 19/6/2009, Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-Đăkr'tih-08 ngày 01/11/2008 thì bên giao thầu là Bị đơn và bên nhận thầu Nguyên đơn; Tại các Điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng, các bên đã xác nhận đầy đủ nội dung về giá trị của hợp đồng, phương thức thanh toán, quyết toán, trách nhiệm của các bên trong hợp đồng. Theo đó, Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đủ kinh phí cho Nguyên đơn theo các điều khoản của hợp đồng. Bị đơn đã xác nhận còn nợ Nguyên đơn số tiền đến nay chưa thanh toán là 1.760.741.030 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số nợ này là có căn cứ.

Hợp đồng mà giữa Nguyên đơn và Bị đơn ký kết đã xác định rõ trách nhiệm của các bên thì nghĩa vụ của Bị đơn đối với Nguyên đơn về việc trả số tiền còn nợ là 1.760.741.030 đồng là không liên quan đến các khoản nợ mà Bị đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố đối với Nguyên đơn trong việc đối trừ nghĩa vụ. Trong vụ án này, Bị đơn có yêu cầu độc lập, tranh chấp với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Mặt khác, Bị đơn xác nhận đã nghiệm thu gói thầu 1D1 với chủ đầu tư là Tổng công ty CTCP, quyền và nghĩa vụ của các bên đã thực hiện xong. Các thành viên trong liên danh được phân công các hạng mục thi công riêng và hạch toán độc lập mà không chịu sự kiểm tra, giám sát của các thành viên khác trong liên danh, trách nhiệm của nhà thầu là công ty đứng đầu liên danh.

Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Công ty VT và Công ty Miền Trung; Tuy nhiên, Bị đơn kháng cáo yêu cầu được đối trừ khoản nợ của hai công ty này vào nghĩa vụ phải thực hiện của Bị đơn đối với Nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận như đã nhận định ở trên.

Đối với yêu cầu độc lập của bị đơn buộc Công ty Cổ phần Xây Dựng VT có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là: 1.508.407.904 đồng phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số: 11/2007/HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 11/2007/HĐ-XD/VHC-SĐBS-01 ngày 29/4/2014 giữa Bị đơn và Công ty Cổ phần Xây Dựng VT và đối với yêu cầu độc lập của Bị đơn buộc Công ty Miền Trung có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là: 200.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số: 10/2007/HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007 giữa Bị đơn và Công ty Trường Giang thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập này của bị đơn. Phần này các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ nhận định trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đảm bảo đúng thủ tục tố tụng, thu thập đánh giá chứng cứ đầy đủ, nội dung chứng cứ rõ ràng, đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn trong việc giải quyết tranh chấp nên giữ nguyên án sơ thẩm; Do đó yêu cầu kháng cáo của Bị đơn không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

Buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền còn nợ là: 1.760.741.030 đồng (Một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn không trăm ba mươi đồng) từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số 09/2007/HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 09/2007/HĐ-XD/VHC/SĐBS-01 ngày 19/6/2009 và Hợp đồng số 01/HĐKT-Đákr'tih-08 ngày 01/11/2008. Phương thức trả như sau: Trả làm một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Nguyên đơn đối với Bị đơn về tiền lãi do chậm thanh toán.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Bị đơn

3.1 Buộc Công ty Cổ phần Xây Dựng VT phải thanh toán cho Bị đơn số tiền nợ là: 1.508.407.904 đồng (Một tỷ năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm lẻ bảy

ngàn chín trăm lẻ bốn đồng) từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 11/2007HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 11/2007/HĐ-XD/VHC-SĐBS-01 ngày 29/4/2014. Trả một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3.2 Buộc Công ty Miền Trung có trách nhiệm thanh toán cho Bị đơn số tiền nợ là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 10/2007HĐ-XD/VHC ngày 16/12/2007. Trả một lần trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí là: 64.822.230 đồng (Sáu mươi bốn triệu tám trăm hai mươi hai ngàn hai trăm ba mươi đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn là: 32.411.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2017/0005491 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Cổ phần Xây Dựng VT phải chịu án phí là: 57.252.237 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi hai ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng).

- Công ty Miền Trung phải chịu án phí là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Bị đơn là: 28.626.118 đồng theo Biên lai thu số: AA/2019/0087762 ngày 15/6/2020 và 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2019/0087763 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng được trừ vào Biên lai thu số AA/2019/0088886 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND quận Y;
- Chi cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên